

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 17-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công;

2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST-HS, ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Quốc D, sinh năm 1993 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa lớp 10/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bé N và bà Huỳnh Thị Ánh H; anh chị em ruột có 01 người sinh năm 1990; Tiền án: 01 lần, vào ngày 06/7/2018, Nguyễn Quốc D bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 28/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự không; tạm giữ ngày 15/11/2019; tạm giam từ ngày 21/11/2019 cho đến nay.

2. Bị cáo Trần Ngọc N, sinh năm 1995 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa lớp 7/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Phương L; vợ Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1999; con có 01 người, sinh năm 2016; tiền án: 01 lần, vào ngày 30/12/2016, Trần Ngọc N bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố

Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; đến ngày 31/3/2019 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự không; tạm giữ ngày 19/11/2019; tạm giam từ ngày 22/11/2019 cho đến nay.

- *Người bị hại:* Ông Tô Văn X, sinh năm 1959 (Yêu cầu xét xử vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp 8, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1976 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 2002 (Vắng mặt do bỏ nơi cư trú)
Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 12/11/2019, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Quốc D điện thoại rủ Trần Ngọc N đi tìm tài sản không người trông coi để lấy trộm thì N đồng ý. Nhân điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn xám đen mang biển kiểm soát 84L1-528.87 của bà Nguyễn Thị Phương L (là mẹ của N), sinh năm 1976, nơi cư trú khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến nhà của D tại khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại đây, D điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-528.87 chở N ra Quốc lộ 53 đến địa phận ấp 8, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh tìm tài sản để lấy trộm. D điều khiển xe chở N rẽ vào đường đaml một đoạn khoảng 01 km thì D phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen bạc, số máy 5C63180316, số khung C6308Y180316 mang biển kiểm soát 84K5-5170 của ông Tô Văn X, sinh năm 1959, nơi cư trú ấp 8, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang đậu cặp lề phải đường đaml theo hướng đi của D. Quan sát không thấy người trong coi nên D xuống xe dùng cây kéo bằng kim loại do D chuẩn bị sẵn để mở khóa xe, còn N thì ngồi trên xe mô tô biển kiểm soát 84L1-528.87 để canh gác. Sau khi mở được khóa xe thì D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K5-5170 chạy phía trước còn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84L1-528.87 chạy phía sau theo hướng ra xã H, B, cả hai đem xe mô tô trộm được về cất giấu tại khu vườn của gia đình D tại khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng 10 giờ, ngày 13/11/2019, D và N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K5-5170 lên thành phố Hồ Chí Minh. Do sợ bị phát hiện nên trên đường đi D và N tháo bỏ biển kiểm soát 84K5-5170 và tháo hai búng chắn gió phía trước của xe, sau đó cả hai điều khiển xe đến Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà nghỉ để ở và cất giấu xe mô tô biển kiểm soát 84K5-5170 để tìm người bán lấy tiền tiêu xài. Đến ngày 15/11/2019 và 19/11/2019 thì D và N lần lượt bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C bắt giữ cùng với tang vật là xe mô tô biển kiểm soát 84K5-5170. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện C thu hồi xe trả lại cho người bị hại.

Tại kết luận định giá số 1030/KL-ĐGTS ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen bạc, số máy 5C63180316, số khung C6308Y180316, biển kiểm soát 84K5-5170 của ông Tô Văn X tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 8.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSCL ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 14 giờ 15 phút, ngày 12/11/2019, tại khu vực đường đaml, thuộc ấp 8, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, D và N lén lút lấy trộm của người bị hại tên Tô Văn X 01 xe mô tô biển số kiểm soát 84K5-5170, trị giá 8.000.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội trộm cắp tài sản, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 15/11/2019. Đối với bị cáo Trần Ngọc N, căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc Nh từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, về tội trộm cắp tài sản, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 19/11/2019. Ngoài ra, vị còn đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N, xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc vắng mặt của người bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh

hưởng đến xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xảy ra sự việc, bản kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Lời nhận tội của các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, tài sản của công dân bao gồm, tư trang, tiền bạc, xe mô tô, điện thoại di động,... là do quá trình lao động một nắng hai sương mới có được. Các bị cáo có sức khỏe, đủ khả năng lao động để tạo ra nguồn thu nhập hợp pháp phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân và gia đình, nhưng các bị cáo không tích cực lao động. Ngược lại để có tiền phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân mà lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể, vào lúc 14 giờ 15 phút ngày 12/11/2019, tại khu vực đường đaml, thuộc ấp 8, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, hai bị cáo, D và N đã lén lút lấy trộm của Tô Văn X 01 xe mô tô biển số kiểm soát 84K5-5170, trị giá 8.000.000 đồng.

[5]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác một cách trái pháp luật, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N đều nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ bản chất tham lam, tự lợi, muốn có tiền nhưng không bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội.

Mặc dù là đồng phạm giản đơn, nhưng hành vi thực hiện phạm tội của từng bị cáo khác nhau. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc D giữ vai trò chính khi thực hiện, như rủ rê, chuẩn bị công cụ và trực tiếp thực hiện nên cần phải xử nặng hơn. Bị cáo Trần Ngọc N là người giúp sức như đưa phương tiện là xe mô tô, cùng thực hiện. Hành vi của hai bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp là

tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị.

[6]. Các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N đã có tiền án. Vào ngày 06/7/2018, Nguyễn Quốc D bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 28/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Vào ngày 30/12/2016 Trần Ngọc N bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, đến ngày 31/3/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Các lần phạm tội này chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Quốc D có tiền sự, vào ngày 15/10/2019 bị Công an huyện C xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra hai bị cáo có nhân thân xấu, đối với Nguyễn Quốc D vào ngày 18/4/2012 bị Ủy ban nhân dân huyện C đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 02 (hai) năm và ngày 14/3/2018 bị Công an thị trấn C phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Còn Trần Ngọc N vào ngày 05 /11/2011 bị Ủy ban nhân dân huyện C đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản. Đáng lẽ ra hai bị cáo phải biết ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm để trở thành người tốt nhưng lại cố ý tiếp tục thực hiện tội phạm. Các bị cáo thể hiện ý thức rất xem thường pháp luật và thuộc thành phần rất khó cải tạo. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương đồng thời gây hoang mang, lo sợ trong nhân dân.

[7] Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C thời gian gần đây xảy ra liên tục, gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội hai bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tài sản thiệt hại không lớn, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hoàn cảnh gia đình có phần đơn chiếc, khó khăn. Ngoài ra bị cáo Trần Ngọc N có công trong phong trào an ninh trật tự được Chủ tịch huyện C tặng Giấy khen và đã tác động gia đình khắc phục 50% thiệt hại cho người bị hại. Vì vậy bị cáo, Nguyễn Quốc D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Ngọc N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Nguyễn Thị Phương L giao xe cho Trần Ngọc N nhưng không biết N dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý và số tiền 1.370.000đ bà khắc phục hậu quả cho người bị hại, bà không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét

[8]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự, người bị hại với các bị cáo D và N thống nhất bồi thường chi phí sửa xe mô tô là 2.740.000đ, thỏa thuận này không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, được Hội đồng xét xử chấp nhận nhưng được trừ đi số tiền 1.370.000 đồng đã khắc phục trước. Số tiền còn lại 1.370.000đ hai bị cáo D và N tiếp tục khắc phục cho người bị hại ông Tô Văn X.

[9]. Về vật chứng: Số tiền 290.000 đồng; 01 (một) áo sơ mi nam, tay dài, màu đen, bên trong có gắn nhãn vải màu trắng, có dòng LADOS Made in VietNam, màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi nam, tay dài, màu trắng có sọc xanh đen ở cổ, tay và túi áo, bên trong có gắn nhãn vải màu xanh cam, có dòng chữ PHO DO FASHION OF VIP màu trắng xanh; 01 (một) nón kết màu đen trên nón có thêu dòng chữ M&P by Smith & Wesson, màu bạc đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Quốc D giao trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên số tiền 290.000đ tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án dân sự.

[10]. Về án phí: Buộc các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo, Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ các Điều 268; Điều 269 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo, là ngày 15/11/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 19/11/2019

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Buộc các bị cáo, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N liên đới bồi thường số tiền 1.370.000đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng*) cho ông Tô Văn X.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Giao trả cho bị cáo Nguyễn Quốc D Số tiền 290.000 đồng; 01 (một) áo sơ mi nam, tay dài, màu đen, bên trong có gắn nhãn vải màu trắng, có dòng LADOS Made in VietNam, màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi nam, tay dài, màu trắng có sọc xanh đen ở cổ, tay và túi áo, bên trong có gắn nhãn vải màu xanh cam, có dòng chữ PHO DO FASHION OF VIP màu trắng xanh; 01 (một) nón kết màu đen trên nón có thêu dòng chữ M&P by Smith & Wesson, màu bạc. Tuy nhiên số tiền 290.000đ (hai trăm chín mươi ngàn đồng) tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc các bị cáo, Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)/.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cơ quan điều tra;
- Nhà tạm giữ;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSYA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến